

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG **Năm học 2025 - 2026**

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
- Căn cứ Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Căn cứ chương trình GDPT ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018;
- Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học;
- Căn cứ văn bản số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018; Kế hoạch số 160/KH-BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ GDĐT về việc triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học đầu tư theo Quyết định số 4374/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2021 của Bộ GDĐT; Kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai tổ chức dạy học môn Tiếng Anh Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học; Công văn số 830/PGDĐT-GDTH ngày 18/7/2023 về việc chuẩn bị các điều kiện phục vụ triển khai dạy học môn Tiếng Anh, Tin học Chương trình GDPT 2018;
- Căn cứ văn bản số 816/BGDĐT- GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GD&ĐT về việc tổ chức dạy học môn Tin học chương trình GDPT cấp Tiểu học; Văn bản số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về việc Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục Tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh;
- Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-BGDĐT ngày 9/2/2022 phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 2 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 438/QĐ-BGDĐT ngày 28/01/2022 phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 4434/QĐ-BGDĐT ngày 21/12/2022, Quyết định số 45/QĐ-BGDĐT ngày 9/01/2023 phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 4 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 392/QĐ-BGDĐT ngày 26/01/2024 Phê duyệt SGK các môn học, HĐGD lớp 5 và SGK các môn Ngoại ngữ 1 sử dụng trong cơ sở GDPT; Quyết định số 4119/QĐ-BGDĐT ngày 01/12/2023 Quyết định Phê duyệt SGK các môn học, HĐGD lớp 5 và SGK môn tiếng Trung Quốc lớp 3, lớp 4 sử dụng trong cơ sở GDPT. Công văn số 652/SGDĐT-GDMT ngày 22/3/2023 của Sở

GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học

- Căn cứ văn bản số 3535/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020 – 2021;

- Căn cứ văn bản số 3536/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020 - 2021; Văn bản số 3036/BGDĐT- GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp Tiểu học; Công văn số 99/SGDĐT-GDTH ngày 19/01/2021 của Sở GD&ĐT và được dạy học tích hợp trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm;

- Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 652/SGDĐT-GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học;

- Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

- Căn cứ văn bản số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; Văn bản số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và đào tạo về hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2025-2026;

Trường Tiểu học Núa Ngam xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Xã Núa Ngam là một xã biên giới cách trung tâm tỉnh 30 km, giáp với các xã Thanh An, Sam Mứn, Mường Nhà. Nhân dân trong xã chủ yếu làm nông nghiệp, đời sống kinh tế còn gặp nhiều khó khăn.

Là xã có trình độ dân trí không đồng đều. Xã có chủ yếu là 5 dân tộc: Kinh, Thái, Lào, Mông, Khơ Mú, một phần nhỏ là dân tộc rất ít người. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao.

Các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện đã dần đi vào cuộc sống giúp nâng cao nhận thức và hành động của mọi người dân.

Công nghệ thông tin phát triển mạnh giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục khá nhanh, từ đó có chuyển biến rõ rệt, sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

** Thuận lợi:*

- Công tác giáo dục của nhà trường luôn có sự quan tâm của của Đảng uỷ, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể địa phương, đặc biệt có luôn có được sự chỉ đạo của sở GD&ĐT cũng như các cấp đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy. Đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

- Trong điều kiện công nghệ 4.0, giáo viên có nhiều kênh để học hỏi, tăng cường kiến thức, đáp ứng và hội nhập với sự phát triển.

- Tập thể cán bộ giáo viên nhà trường có chuyên môn và được chuẩn hóa, nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình, có tinh thần đoàn kết tốt, có trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao.

- Các em học sinh ngoan, có ý thức học tập; Học sinh các bản Pá Ngam I, Pá Bông, Tin Lán, Huổi Hua được hưởng chế độ theo NĐ 81/2021/NĐ-CP của Chính Phủ phần nào giảm bớt khó khăn cho gia đình học sinh.

- Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ; khang trang, đảm bảo xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

- Học sinh có đầy đủ sách giáo khoa, vở viết, được mượn đồ dùng học tập đầy đủ. Có đủ phương tiện trang thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên.

** Khó khăn:*

- Trường có trên 80% học sinh là người dân tộc. Nhận thức về giáo dục của một bộ phận nhân dân còn thấp; đời sống nhân dân trên địa bàn gặp rất nhiều khó khăn. Một số gia đình học sinh có người mắc tệ nạn xã hội, gia đình bố mẹ ly hôn, đi làm ăn xa nhà, nhiều em bố mẹ bỏ đi ở với ông bà, họ hàng vì vậy sự quan tâm của cha mẹ, gia đình học sinh đến việc học tập và giáo dục học sinh còn hạn chế. Một số học sinh nhà ở xa trường nên việc đi đến trường còn gặp khó khăn nhất là

những ngày trời mưa, rét.

- Cơ sở vật chất của điểm trường Huồi Hua có một số hạng mục công trình đã xuống cấp, chưa có tường bao kiên cố. Điểm trường trung tâm thiếu phòng bộ môn Mĩ thuật, Tiếng Anh, Công nghệ và phòng công vụ. Phòng hội đồng chật hẹp nên cũng ảnh hưởng một phần đến công tác dạy và học của nhà trường.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 – 2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2025-2026 toàn trường có tổng số 17 lớp với số 435 học sinh, được phân bổ như sau:

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	HS diện chính sách (NĐ238/2025; TT/42/2013)					Học sinh bán trú
						Tổng	Thôn bản KK	Mồ côi	Hộ nghèo	Khuyết tật	
1	4	82	30	59	24	31	29		1	1	7
2	4	80	40	67	34	36	35	0	1	0	7
3	3	96	52	81	42	36	33	0	3	0	26
4	3	95	47	78	38	33	30	1	2	0	21
5	3	82	45	72	40	33	30	0	3	0	24
Tổng	17	435	214	357	178	169	157	1	10	1	85

- 100% số lớp và số học sinh học 2 buổi/ngày.

- Sĩ số học sinh/lớp đảm bảo theo quy định, bình quân 25,5 học sinh/lớp

- Tỷ lệ học sinh nữ: 49,1%

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a. Về số lượng, trình độ đào tạo

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Ghi chú
				Th. sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác	
CBQL	2	2		1	1				
GV	25	20	10		25				
NV	3	2	0		1		1	1	
Tổng	30	13	10	1	27		1	1	

b. Về cơ cấu đội ngũ

- CBQL: 02 trong đó: 01 Hiệu trưởng; 01 Phó hiệu trưởng

- Tổng số giáo viên: 25 trong đó: Giáo viên tiểu học: 19, tiếng Anh: 02, Âm nhạc 01, Thể dục: 01; Mỹ thuật: 01, Tin học và công nghệ: 01

- Tổng số nhân viên: 3 người; trong đó: Kế toán: 01; Phục vụ: 01; Bảo vệ: 01.

c. Về thuận lợi, khó khăn

*** Thuận lợi**

- Về đội ngũ giáo viên:

+ Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ biết khai thác ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh để nâng cao chất lượng.

+ Đội ngũ GV đủ về số lượng đảm bảo định mức theo quy định 1,5 GV/lớp; Cơ cấu đủ theo các môn học (Tiếng Anh: 2; Thể dục: 1; Mĩ thuật: 1; Tin học và công nghệ: 1; giáo viên Âm nhạc: 1). Đa số có năng lực chuyên môn vững vàng, yêu nghề, có trách nhiệm cao trong công tác;

+ 100% GV sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiệu quả; Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục;

+ Đa số giáo viên làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ tốt học sinh trong dạy học và giáo dục;

+ Nhiều giáo viên phối hợp tốt với gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh;

- Về đội ngũ nhân viên:

+ Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường

+ Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường;

+ Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường;

- Về cán bộ quản lý:

+ Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản trị nhà trường;

+ Có năng lực hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong công tác quản trị nhà trường; Có năng lực kết nối cộng đồng;

+ Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018;

*** Khó khăn**

- Về đội ngũ giáo viên:

+ Còn thiếu 01 giáo viên Thể dục.

+ Phần lớn giáo viên còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ. Một số giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa nhanh.

+ Trường chưa có nhân viên thư viện thiết bị nên giáo viên mĩ thuật phải kiêm nhiệm, chưa có kinh nghiệm trong công tác thư viện thiết bị.

- Về đội ngũ nhân viên:

+ Kỹ năng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế.

+ Nhân viên phục vụ và nhân viên bảo vệ sử dụng công nghệ thông tin chưa tốt.

+ Thiếu nhân viên y tế

- Về cán bộ quản lý: Sử dụng ngoại ngữ chưa thành thạo.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

- Về CSVC: Tổng số phòng học: 17 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp (Trung tâm: 13 phòng; điểm trường Na Sang: 02 phòng, Huồi Hua: 02 phòng).

Tổng số phòng học bộ môn: 02 phòng, trong đó: 01 phòng Tin học; 01 phòng Âm nhạc;

Tổng số phòng chức năng: 12 phòng, trong đó: Phòng hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01; Văn phòng: 01; Y tế: 01, Thư viện: 01; Thiết bị: 01; Bảo vệ: 01; Kế toán: 01; Phòng công vụ: 02; Phòng ở nội trú: 02

Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu giáo dục và hoạt động.

Tổng số máy chiếu: 16. Tuy nhiên một số cái đã bị mờ, hỏng nên lắp trên các lớp học và phòng bộ môn ở trung tâm 9 cái. 04 cái mang lên điểm trường Huồi Hua, Na Sang.

Máy chiếu vật thể: 03

Ti vi phục vụ cho dạy học là 4 cái lắp trên 3 lớp học và phòng Hội đồng. Bảng và màn hình thông minh là 4 cái lắp trên 4 lớp học ở trung tâm

Tăng âm loa, đài: 02 bộ. Loa kéo: 4 bộ (trung tâm 02, điểm trường 02).

Trung tâm và hai điểm trường lẻ đều có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Nhà bếp + Nhà ăn: 01. Nhà bếp, nhà ăn đủ cơ sở vật chất cho học sinh ăn, nghỉ bán trú.

Hạn chế về CSVC: Điểm trường Huồi Hua, Na Sang do trường được xây dựng đã lâu nên nhiều hạng mục xuống cấp: nền lớp học sụt lún nhiều; bị thấm dột, mái tôn cũ, ... điểm trường tâm thiếu các phòng học bộ môn, phòng công vụ, phòng nội trú của học sinh chật phần nào ảnh hưởng tới công tác giáo dục. Diện tích lớp học tại điểm trường Huồi Hua nhỏ hẹp nên một số hoạt động học tập của học sinh cũng bị hạn chế.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

- Triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đến toàn thể cán, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh năm học 2025-2026. Tham mưu với chính quyền địa phương triển khai rộng rãi đến toàn thể nhân dân.

- 100% các lớp tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/ tuần); mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học; mỗi tiết học 35 phút.

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với tất cả các khối lớp. Tổ chức dạy môn tiếng Anh tự chọn đối với lớp 1, 2 theo quy định tại công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ GD&ĐT. Lớp 3, 4, 5 thực hiện theo Chương trình GDPT 2018 môn Ngoại ngữ 1 với tổng số 140 tiết/năm học (4 tiết/tuần).

- Thực hiện Chương trình Tin học theo theo Chương trình GDPT 2018 môn Tin học và Công nghệ với tổng số 70 tiết/năm (2 tiết/tuần), trong đó phần Tin học 35 tiết/năm; phần Công nghệ 35 tiết/ năm.

- Thực hiện Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09 tháng 3 năm 2022 về tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp Tiểu học.

- Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và dạy học, thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục STEM nhằm hỗ trợ, tăng cường giáo dục Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán, Tin học và Nghệ thuật; tạo hứng thú, khơi gợi niềm say mê học tập, giúp học sinh khám phá tiềm năng của bản thân, khám phá khoa học, công nghệ, phát huy tính tích cực sáng tạo và vận dụng vào giải quyết vấn đề trong bối cảnh cụ thể của thực tiễn cuộc sống.

Tổ chức hoạt động giáo dục STEM bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học/hoạt động giáo dục có liên quan, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh và điều kiện của nhà trường; thúc đẩy tổ chức dạy học tích hợp; tạo không gian STEM trong lớp, trường để học sinh được trưng bày sản phẩm STEM ...

Các tổ chuyên môn xây dựng chủ đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM cụ thể đảm bảo các tiêu chí của một chủ đề STEM, đáp ứng được qui trình kỹ thuật trong dạy học các môn học theo hướng tiếp cận liên môn.

- Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số đối với lớp 1, 2, 3: Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp 1 theo quy định tại Thông tư 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 (thời lượng 72 tiết). Thực hiện Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025. Việc dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số sử dụng các tài liệu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt (*Quyết định số 631/QĐ-BGDĐT ngày 15/3/2019 dành cho giáo viên lớp 1 và học sinh lớp 1; Quyết định số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 dành*

cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2; Quyết định số 733/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2021 dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3).

- Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy Tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp. Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua việc tổ chức hoạt động thư viện xanh, thư viện lưu động, thư viện góc lớp, giao lưu tiếng Việt.

- Sử dụng Tài liệu Giáo dục địa phương các lớp 1,2,3,4,5 - CTGDPT 2018; Thực hiện dạy học Giáo dục địa phương 22 tiết/năm học. Trong đó học kì I: 12 tiết, học kì II: 10 tiết. Chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên được thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

- Sách, tài liệu, hoạt động thư viện, thiết bị: Xây dựng tủ sách lớp học, xây dựng mô hình “thư viện thân thiện”, phát triển văn hóa đọc phù hợp điều kiện thực tế. Quan tâm đẩy mạnh việc đọc sách của học sinh tại trường. Triển khai thực hiện thiết bị dạy học tự làm.

- Dạy học tích hợp các nội dung theo Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp tiểu học; Công văn số 2343/SGDĐT-GDMT ngày 28/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp tiểu học gồm các nội dung phòng chống tham nhũng, công tác phòng cháy và chữa cháy trong tình hình mới; Giáo dục Quốc phòng và An ninh; phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em; Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh tiểu học; giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; quyền được chăm sóc sức khỏe và quyền vui chơi giải trí của trẻ em; công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp; quyền con người.

- Thực hiện dạy học môn học tự chọn Ngoại ngữ 1 đối với học sinh lớp 1, 2 với số tiết là 2 tiết/tuần.

- Đối với hoạt động củng cố, tăng cường: Tập trung tăng cường cho học sinh một số môn học như Toán, Tiếng Việt và phát triển văn hóa đọc ... Tạo cơ hội cho học sinh lớp 1, 2 được tiếp cận giáo dục Tin học; đảm bảo đủ 7 tiết/ngày (32 tiết/ tuần).

- Tổ chức hoạt động giáo dục STEM bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học/hoạt động giáo dục có liên quan, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh và điều kiện của nhà trường; thúc đẩy

tổ chức dạy học tích hợp; tạo không gian STEM trong lớp, trường để học sinh được trưng bày sản phẩm STEM ...

- Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; Đối với những môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Nhà trường tổ chức dạy học trên lớp kết hợp với dạy học tích hợp liên môn và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương đối với một số mạch kiến thức phù hợp để phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

- Tổ chức dạy học phân hóa, dạy học tích hợp. Tổ chức dạy học hoạt động trải nghiệm tập trung vào hoạt động khám phá bản thân, hoạt động rèn luyện, hoạt động phát triển quan hệ bạn bè thầy cô và những người thân trong gia đình và các hoạt động xã hội gắn gũi với học sinh.

- Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học bao gồm UDCNTT trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, trong kiểm tra đánh giá học sinh. Chỉ đạo 100% cán bộ quản lý và giáo viên sử dụng hệ thống “Trường học kết nối”, khai thác sử dụng “Hành trang số”, phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên trên hệ thống LMS.

- Thực hiện sinh hoạt chuyên môn tổ, trường, cụm trường, cấp huyện theo quy định tại công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chú trọng nghiên cứu chương trình GDPT tổng thể, chương trình môn học, đổi mới nội dung SHCM thông qua dự giờ quan sát lớp học, nghiên cứu bài học và khai thác các chuyên đề dạy học.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch: nội dung dạy học tích hợp (tài liệu giáo dục an toàn giao thông, quốc phòng an ninh, khởi nghiệp, phòng cháy chữa cháy, lý tưởng cách mạng đạo đức lối sống, quyền con người... trong các môn học và hoạt động giáo dục).

- Xây dựng kế hoạch giáo dục cho cả năm học, cán bộ quản lý giáo viên nghiên cứu kỹ tài liệu sách giáo khoa, phân tích mạch kiến thức phù hợp với từng vùng miền, địa phương để xây dựng kế hoạch dạy học theo môn học như: các tiết học trải nghiệm theo từng môn học, các tiết dạy học theo chủ đề, các tiết ngoại khóa trong và ngoài nhà trường, hoạt động đọc thư viện và giáo dục địa phương. Việc xây dựng kế hoạch đảm bảo chi tiết cụ thể theo tuần, tháng và cả năm học (có biểu chi tiết kèm theo).

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025-2026

1. Mục tiêu chung

Đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có

của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDDT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ lớp 1 đến lớp 5).

- Phát huy hiệu quả, tiếp tục thực hiện nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua: Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường giáo dục đạo đức, kĩ năng sống cho học sinh. Cùng cố kết quả cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; đảm bảo chất lượng dạy học các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông. Tích cực đổi mới công tác quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; phát triển đội ngũ, đề cao trách nhiệm của một nhà giáo, khuyến khích sự sáng tạo của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý nhằm đạt được mục tiêu giáo dục là đào tạo cho học sinh phát triển đúng hướng, trở thành những công dân tích cực trong tương lai.

Tăng cường giáo dục kĩ năng sống cho học sinh: Học sinh có ý thức tự giác làm bài tập, tham gia các công việc chung của lớp, của trường; có tinh thần làm việc nhóm, khả năng tự bảo vệ bản thân.

Khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ gắn với các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Tiếp tục đưa giáo dục văn hóa truyền thống vào nhà trường.

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu học sinh tiểu học khi triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; quản lý, sử

dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và hướng đến thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Duy trì số lượng học sinh

Duy trì 435/435 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

2.2. Chất lượng giáo dục

a) Về môn học và hoạt động giáo dục

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng		
Tổng số học sinh		82		80		96		95		82		435		
HS Khuyết tật		0		0		0		0		0		0		
HS được đánh giá		82		80		96		95		82		435		
Môn học		MDD	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	2	TL%
1. Tiếng Việt	HTT	39	47,6	40	50	50	52	48	50,5	40	48,8	217	49,9	
	HT	43	52,4	40	50	46	48	47	49,5	42	51,2	218	50,1	
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2. Toán	HTT	41	50	43	53,8	49	51	50	52,6	39	47,6	222	51	
	HT	41	50	37	46,2	47	49	45	47,4	43	52,4	213	49	
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3. Ngoại ngữ 1	HTT	40	48,7	40	50	48	50	48	50,5	39	47,6	215	49,4	
	HT	42	51,3	40	50	48	50	47	49,5	43	52,4	220	50,6	
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4. Đạo đức	HTT	46	56,1	41	51,3	55	57,3	57	60,0	47	57,3	246	56,6	
	HT	36	43,9	39	48,7	41	42,7	38	40,0	35	42,7	189	43,4	
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5. TN&XH	HTT	43	52,4	45	56,3	53	55,2					141	54,7	
	HT	39	47,6	35	43,7	43	44,8					117	45,3	
	CHT	0	0	0	0	0	0					0	0	
6. Lịch sử & Địa lý	HTT							52	54,7	42	51,2	94	53,1	
	HT							43	45,3	40	48,8	83	46,9	
	CHT							0	0	0	0	0	0	
7. Khoa học	HTT							53	55,8	43	52,4	96	54,2	
	HT							42	44,2	39	47,6	81	45,8	
	CHT							0	0	0	0	0	0	
Nghệ thuật	8. Âm nhạc	HTT	42	51,3	44	55	48	50	51	53,7	45	54,9	230	52,9
		HT	40	48,7	36	45	48	50	44	46,3	37	45,1	205	47,1
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	9. Mỹ Thuật	HTT	42	51,3	43	53,8	51	53	52	54,7	45	54,9	233	55,6
		HT	40	48,7	37	46,2	45	47	43	45,3	37	45,1	202	46,4
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8. GDTC		HTT	46	56,1	45	56,3	53	55,2	54	56,8	48	58,5	246	56,6

	HT	36	43,9	35	43,7	43	44,8	41	43,2	34	41,5	189	43,4
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. HĐTN	HTT	43	52,4	45	56,3	51	53	54	56,8	49	59,8	242	55,6
	HT	39	47,6	35	43,7	45	47	41	43,2	33	40,2	193	44,4
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10. Tin học	HTT					52	54	50	52,6	47	57,3	149	54,6
	HT					44	46	45	47,4	35	42,7	124	45,4
	CHT					0	0	0	0	0	0	0	0
11. Công nghệ	HTT					51	53	53	55,8	49	59,8	153	56
	HT					45	47	42	44,2	33	40,2	120	44
	CHT					0	0	0	0	0	0	0	0

b) Những phẩm chất chủ yếu:

Khối lớp	Tổng số HS	HS Khuyết tật	HS được đánh giá	Mức đạt được		Những phẩm chất chủ yếu				
						1. Yêu nước	2. Nhân ái	3. Chăm chỉ 70%	4. Trung thực	5. Trách nhiệm 70%
1	82	0	82	Tốt	SL	82	82	71	82	71
					%	100	100	86,6	100	86,6
				Đạt	SL	0	0	11	0	11
					%	0	0	13,4	0	13,4
				CCG	SL	0	0	0	0	0
					%	0	0	0	0	0
2	80	0	80	Tốt	SL	80	80	56	80	59
					%	100	100	70	100	73,8
				Đạt	SL	0	0	24	0	21
					%	0	0	30	0	26,2
				CCG	SL	0	0	0	0	0
					%	0	0	0	0	0
3	96	0	96	Tốt	SL	96	93	62	76	72
					%	100	96,8	64,6	79,2	75
				Đạt	SL	0	3	34	20	24
					%	0	3,2	35,4	20,8	25
				CCG	SL	0	0	0	0	0
					%	0	0	0	0	0
4	95	0	95	Tốt	SL	95	88	68	73	69
					%	100	92,6	71,6	76,8	72,6
				Đạt	SL	0	7	27	22	26
					%	0	7,4	28,4	23,2	27,4
				CCG	SL	0	0	0	0	0
					%	0	0	0	0	0
5	82	0	82	Tốt	SL	82	82	72	75	74
					%	100	100	87,8	87,8	90,2

				Đạt	SL	0	0	10	7	8
					%	0	0	12,2	12,2	9,8
				CCG	SL	0	0	0	0	0
					%	0	0	0	0	0
Tổng	435	0	435	Tốt	SL	435	425	329	386	345
					%	100	97,7	75,6	88,7	79,3
				Đạt	SL	0	10	106	49	90
					%	0	2,3	24,4	11,3	20,7
				CCG	SL	0	0	0	0	0
					%	0	0	0	0	0

c) Những năng lực cốt lõi:

Khối lớp	Tổng số HS	HS Khuyết tật	HS được đánh giá	Mức đạt được		Năng lực chung			Năng lực đặc thù						
						1. Tự chủ và tự học	2. Giao tiếp và hợp tác	3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	1. Ngôn ngữ	2. Tính toán	3. Khoa học	4. Thẩm mỹ	5. Thể chất	6. Công nghệ	7. Tin học
1	82	0	82	Tốt	SL	39	42	39	39	41	43	42	46		
					%	47,6	48,7	47,6	47,6	50	52,4	51,2	56,1		
				Đạt	SL	43	40	43	43	41	39	40	36		
					%	52,4	51,3	52,4	52,4	50	47,6	48,8	43,9		
				CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0		
					%	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	80	0	80	Tốt	SL	52	46	40	40	43	45	43	45		
					%	65	57,5	50	50	53,8	56,3	53,8	56,3		
				Đạt	SL	28	34	40	40	37	35	37	35		
					%	35	42,5	50	50	46,2	43,7	46,2	43,7		
				CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0		
					%	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	96	0	96	Tốt	SL	55	54	48	50	49	53	51	53	51	52
					%	57,3	56,3	50	52	51	55,2	53	55,2	53	54
				Đạt	SL	41	42	48	46	47	43	45	43	45	44
					%	42,7	43,7	50	48	49	44,8	47	44,8	47	46
				CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
					%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	95	0	95	Tốt	SL	50	60	48	48	50	53	52	54	53	50
					%	52,6	63,2	50,5	50,5	52,6	55,8	54,7	56,8	55,8	52,6
				Đạt	SL	45	35	47	47	45	42	43	41	42	45
					%	47,4	36,8	49,5	49,5	47,4	44,2	45,3	43,2	44,2	47,4

				CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
					%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	82	0	82	Tốt	SL	41	49	39	40	39	43	45	48	49	47	
					%	50	59,8	47,6	48,9	47,6	52,4	54,9	58,5	58,5	57,3	
				Đạt	SL	41	33	43	42	43	39	37	34	33	35	
					%	50	40,2	52,4	51,1	52,4	47,6	45,1	41,5	41,5	42,7	
				CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
					%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng	435	4	435	Tốt	SL	237	251	214	217	222	237	235	246	153	149	
					%	54,4	57,7	49,2	49,9	51	54,5	54	56,6	56	54,6	
				Đạt	SL	198	184	221	218	213	198	200	189	120	124	
					%	45,6	42,3	50,8	48,1	49	45,5	46	43,4	44	45,4	
				CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
					%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

d) Kết quả giáo dục cuối năm học:

Khối lớp	TSHS được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	TL%	TS	TL	TS	TL	TS	TL	
1	82	14	17,1	23	28	45	54,9	0	0	
2	80	12	15	28	35	40	50	0	0	
3	96	17	17,7	29	30,2	50	52,1	0	0	
4	95	15	15,8	33	34,7	47	49,5	0	0	
5	82	14	17,1	25	30,5	43	52,4	0	0	
Cộng	435	72	16,6	138	31,7	225	51,7	0	0	

- Hoàn thành chương trình lớp học: 353/353 đạt tỷ lệ 100%

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 82/82 đạt tỷ lệ 100%

e) Các hoạt động khác:

- 100% các lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi giao lưu (theo quy định) do trường và ngành phát động trong năm học.
- 100% HS thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường sạch sẽ, gọn gàng (100% HS mặc đồng phục thứ 2,4,6 hàng tuần).
- 100% các lớp trang trí lớp theo quy định, theo chủ điểm từng tháng linh hoạt, phù hợp và thân thiện.
- 100% các lớp, học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do đội, trường và ngành phát động.
- 100% hưởng ứng tích cực các hoạt động quyên góp, ủng hộ theo khả năng.
- Giáo dục học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức: Tổ chức thăm hỏi các gia đình chính sách, thăm quan các di tích lịch sử: 2 lần/năm học.

g) Khen thưởng cuối năm học:

Khối	TSHS	Khen thưởng					
		TSHS được khen thưởng		Học sinh xuất sắc		Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện	
		<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>TL %</i>
1	82	37	45,1	14	17,1	23	28
2	80	40	50	12	15	28	35
3	96	46	47,9	17	17,7	29	30,2
4	95	38	40	15	15,8	23	24,2
5	82	39	47,6	14	17,1	25	30,5
Tổng	435	200	46	72	16,6	128	29,4

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
I. Môn học và hoạt động giáo dục																

1	Tiếng Việt		420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán		105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Tiếng Anh		0			0			140	72	68	140	72	68	140	72	68
4	Đạo đức		35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	TN&XH		70	36	34	70	36	34	70	36	34	0			0		
6	LS&ĐL		0			0			0			70	36	34	70	36	34
7	Khoa học		0			0			0			70	36	34	70	36	34
8	Tin học		0			0			35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Công Nghệ		0			0			35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	GDTC		70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
11	Nghệ thuật	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
12	Hoạt động trải nghiệm	Chào cờ	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		HĐCĐ/NGLL	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		SHL	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
14	Tăng cường Tiếng Việt		35	18	17	35	18	17	35	18	17	0			0		
15	Độc sách tại thư viện		35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
16	Giáo dục địa phương		22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10

II. Môn học tự chọn

1	Tiếng dân tộc thiểu số														
2	Tiếng Anh	70	36	34	70	36	34								

III. Hoạt động trải nghiệm các môn học, Câu lạc bộ

1	HĐTN môn Toán	83	42	41	83	42	41	48	24	24	13	6	7	13	6	7
2	HĐTN môn Tiếng Việt															

3	Câu lạc bộ	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
TỔNG																
Tổng số tiết/năm học (không kể các môn học tự chọn)		967	498	469	967	498	469	1072	552	520	1107	570	537	1107	570	537
Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)		28			28			31			32			32		
Số tiết tự chọn/tuần		2			2			0			0			0		
Số tiết HĐTN, CLB, môn học/tuần		2			3			2			1			1		
Số tiết/tuần		33			33			33			33			33		
Số buổi dạy/ tuần		9			9			9			9			9		
Tổng số tiết/ năm học		1.155			1.155			1.155			1.155			1.155		

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Truyền thống nhà trường	Khai giảng năm học mới; giới thiệu về truyền thống nhà trường.	Tập trung toàn trường; Theo lớp	Sáng ngày 5/9/2025	BGH; TPTĐ GVCN	Ban ĐDCMHS; GV các môn chuyên.
	HĐTN	- Giao lưu văn chào mừng 80 năm Quốc khánh 2/9/1945- 2/9/2025	Tập trung toàn trường	Chiều thứ năm ngày 4/9/2025	BGH; TPTĐ GV toàn trường	Ban ĐDCMHS; Đoàn TNCSHCM xã; Nhân viên nhà trường
Tháng 10	HĐTN	- Tổ chức Tết Trung Thu cho học sinh.	Tập trung toàn trường	Chiều thứ hai ngày 6/10/2025 (15/8 Âm lịch)	BGH; TPTĐ GV toàn trường	Ban ĐDCMHS; Đoàn TNCSHCM xã; Nhân viên nhà trường
	Truyền thống nhà trường	Sinh hoạt truyền thống về ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968)	Tập trung toàn trường	Sáng thứ tư ngày 15/10/2025 (30 phút đầu giờ)	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GVBM

	HĐTN	Giao lưu văn nghệ; vẽ tranh; làm thiệp chúc mừng mẹ và cô nhân ngày 20/10	Tập trung toàn trường; theo khối lớp	Sáng thứ hai ngày 20/10/2025 (30 phút đầu giờ)	TPTĐ, GVCN	BGH, GVBM, NV
Tháng 11	Kính yêu thầy giáo, cô giáo	Kỉ niệm ngày 20/11; Hội diễn văn nghệ	Tập trung toàn trường	Thứ năm ngày 20/11/2025	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc.	Ban ĐDCMHS
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Nghe kể chuyện về truyền thống lịch sử dân tộc. - Thi tìm hiểu truyền thống anh hùng của Quân đội NDVN.	Tập trung toàn trường	Sáng thứ hai ngày 20/12/2025 (30 phút đầu giờ)	Tổng phụ trách đội	- Đại diện Hội cựu chiến binh xã; BGH, GV, NV.
Tháng 1	HĐTN	- Tổ chức Chợ xuân - Trao quà tết cho HS có HCKK	Tập trung toàn trường	Thứ sáu ngày 30/01/2026 (12/12 Âm lịch)	BGH; TPTĐ GV, NV toàn trường.	- Ban ĐDCMHS - Các lực lượng hỗ trợ, tài trợ...
Tháng 2	Đảng quang vinh	Kỉ niệm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam 3/2	Tập trung toàn trường	Thứ hai ngày 2/02/2026 (30 phút đầu giờ)	BGH; TPTĐ GV, NV toàn trường.	- Ban ĐDCMHS - Đại biểu đảng ủy xã
Tháng 3	HĐTN	- Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.	Tập theo lớp	Thứ sáu ngày 6/3/2026 (35 phút SHL)	Giáo viên	Ban ĐDCMHS
Tháng 4	HĐTN	Thi tìm hiểu về truyền thống lịch sử dân tộc	Tập trung toàn trường	Sáng thứ hai ngày 27/4/2026 (30 phút)	PHT; TPTĐ	GVCV, GVBM
Tháng 5	HĐTN	- Tham quan di tích lịch sử Điện Biên Phủ; thăm hỏi gia đình có công với cách mạng.	Tập trung	Chủ nhật ngày 3/5/2026	CBGVNV, Ban chỉ huy liên đội	- Ban ĐDCMHS - Đại diện lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể xã.

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

STT	Nội dung đặc thù trường có học sinh bán trú	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
-----	---	-----------	------------------	-----------	----------	---------

1	Sinh hoạt tập thể	Tổ chức các nội dung năng khiếu theo nhu cầu người học.	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	1 lần/tuần (Từ 16 giờ 15 phút đến 17 giờ).	Tại trường	
2	Vui chơi tự do; HĐTT	- Chơi trò chơi, lao động hướng nghiệp, trồng rau, chăm sóc bồn hoa	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	Cuối buổi học thứ hai trong ngày (Từ 16 giờ 15 phút đến 17 giờ).	Tại sân trường	
3	Ôn tập kiến thức	Tổ chức cho học sinh tham gia ôn tập theo nhóm trình độ	Học sinh bán trú	2 lần/tuần (Từ 19 giờ 15 phút đến 20 giờ 45 phút)	Học sinh tự học	
4	HĐTN, RKNS	- GDKNS; hoạt động giải trí ...	Học sinh bán trú	Trước hoặc sau bữa ăn trưa	Tại trường	
5	Sinh hoạt tập thể	Xem ti vi, đọc báo, đọc truyện - Sinh hoạt nội trú	Học sinh bán trú	2 lần/tuần (Từ 19 giờ 15 phút đến 20 giờ 45 phút)	Tại sân trường	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục

* Khung thời gian hoạt động trong ngày:

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
7 giờ 00 phút - 7 giờ 15 phút	15 phút	Truy bài
7 giờ 15 phút - 7 giờ 30 phút	15 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 30 phút - 8 giờ 10 phút	40 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 50 phút	40 phút	Tiết 2
8 giờ 50 phút - 9 giờ 10 phút	20 phút	Ra chơi

9 giờ 10 phút - 9 giờ 50 phút	40 phút	Tiết 3
9 giờ 50 phút - 10 giờ 30 phút	40 phút	Tiết 4
10 giờ 30 phút - 11 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 5 (Thứ sáu)
10 giờ 30 phút - 11 giờ 30 phút	60 phút	Ăn trưa + HĐTN/ Hoạt động giáo dục (HS bán trú). Riêng thứ sáu ăn trưa lúc 11 giờ 05 phút
Buổi chiều		
14 giờ 00 phút- 14 giờ 40 phút	40 phút	Tiết 1
14 giờ 40 phút - 15 giờ 20 phút	40 phút	Tiết 2
15 giờ 20 phút - 15 giờ 35 phút	15 phút	Ra chơi
15 giờ 35 phút - 16 giờ 15 phút	40 phút	Tiết 3
Hoạt động đối với học sinh nội trú		
Thời gian		Nội dung
5 giờ 00 phút đến 5 giờ 30 phút	30 phút	Vệ sinh cá nhân, phòng ở
5 giờ 30 phút đến 6 giờ 00 phút	30 phút	Thẻ dục buổi sáng
6 giờ 00 phút đến 6 giờ 60 phút	30 phút	ăn sáng
6 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút	Tham gia học tập và các hoạt động của trường	
16 giờ 30 phút đến 18 giờ 00 phút	1giờ30 phút	- Vệ sinh cá nhân
18 giờ 00 phút đến 18 giờ 30 phút	30 phút	- Ăn tối
18 giờ 30 phút đến 19 giờ 00 phút	30 phút	- Xem ti vi

*** Đối với các điểm trường lẻ:** Kế hoạch giáo dục đối với điểm trường lẻ thực hiện như trường trung tâm.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026. cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

Ngày tựu trường: Lớp 1 ngày 22/8/2025, các khối 2,3,4,5 ngày 29/8/2025

Ngày khai giảng: Ngày 05/9/2025

Học kỳ I: Từ ngày 8/9/2025 kết thúc trước ngày 18/1/2026 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 19/01/2026 kết thúc trước ngày 31/5/2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Kết thúc năm học trước ngày 31/5/2026.

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

*** Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần đối với các khối lớp từ 1 đến 5:**

TT	I. Môn học và Hoạt động giáo dục	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
		TT32/2028	TT32/2028	TT32/2028	TT32/2028	TT32/2028
1	Tiếng Việt	12	10	7	7	7
2	Toán	3	5	5	5	5
3	Tiếng Anh	0	0	4	4	4
4	Đạo đức	1	1	1	1	1
5	TN&XH	2	2	2		
6	LS&ĐL				2	2
7	Khoa học				2	2
8	Tin học			1	1	2

TT	I. Môn học và Hoạt động giáo dục		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
			TT32/2028	TT32/2028	TT32/2028	TT32/2028	TT32/2028
9	Công Nghệ				1	1	1
10	GDTC		2	2	2	2	2
11	Nghệ thuật	- Âm nhạc	1	1	1	1	1
		- Mỹ thuật	1	1	1	1	1
12	Hoạt động trải nghiệm	- Chào cờ	1	1	1	1	1
		- HĐCD/NGLL	1	1	1	1	1
		- SHL	1	1	1	1	1
13	Tăng cường Tiếng Việt		1	1	1		
14	Đọc sách tại thư viện		1	1	1	1	1
15	Giáo dục địa phương		1	1	1	1	1
Tổng số tiết/tuần			28	28	31	32	32
II. Môn học tự chọn							
1	Tiếng Anh		2	2			
2	HĐTNT toán, HĐTN Tiếng Việt		2	2	1		
3	Câu lạc bộ		1	1	1	1	1
Cộng			5	5	2	1	1
Tổng chung/tuần			33 tiết	33 tiết	33 tiết	33 tiết	33 tiết

*** Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục từ khối 1 đến khối 5:**

- Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được xây dựng cụ thể theo từng ngày/lớp/ tuần (*Có thời khóa biểu chi tiết theo từng lớp và kế hoạch dạy học tuần của từng môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp kèm theo*).

- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

- Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh để đảm bảo kế hoạch dạy học đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động theo nhu cầu người học theo tình hình cụ thể của nhà trường.

- Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tham mưu với cấp trên tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tu bổ, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục nhằm kêu gọi các nhà tài trợ để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,

- Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động xã hội hóa giáo dục để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tăng cường trang thiết bị trong các lớp học, bổ sung đầu sách, truyện trang thiết bị xây dựng thư viện tiên tiến.

- Tăng cường và tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Tiếp tục tham mưu tăng cường CSVC bổ sung các phòng học bộ môn.

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ

- Xây dựng đội ngũ CBQL, GV cốt cán; Phân công các giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực còn hạn chế để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018;

- Triển khai hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV, NV, CBQL đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 trên cơ sở khảo sát nhu cầu, yêu cầu thực tiễn;

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế của trường;
- Tăng cường công tác giao lưu, chia sẻ nội sinh hoạt chuyên môn giữa các đơn vị trường trong và ngoài huyện;
- Tổ chức các giờ dạy minh họa, các chuyên đề theo nhu cầu của đội ngũ nhằm giải quyết những vướng mắc, khó khăn khi thực hiện chương trình GDPT 2018.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Xây dựng quy trình triển khai dạy học theo CTGDPT 2018.
- Thực hiện tốt nền nếp sinh hoạt chuyên môn hàng tuần để đảm bảo đồng hành, hỗ trợ thường xuyên đối với các giáo viên thực hiện CTGDPT 2018; thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ khối chuyên môn.
- Xây dựng các nội dung chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên.
- Tổ chức cho giáo viên tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện SHCM cấp trường, cụm trường, cấp huyện theo hướng NCBH và chuyên đề. Tổ chức hội thảo giải đáp những khó khăn vướng mắc trong giảng dạy;
- Soạn thảo các văn bản chỉ đạo việc tổ chức thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo yêu cầu CTGDPT 2018;
- Tăng cường tổ chức nghiên cứu nội dung mới, nội dung khó để giải quyết những vướng mắc khi thực hiện CTGDPT 2018...

4. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

- Làm tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về GDTH; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông trên địa bàn xã, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.
- Nhà trường tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.
- Triển khai đổi mới giáo dục tiểu học theo chủ trương của ngành, nhà trường chủ động cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh và nhân dân biết qua các kênh thông tin truyền thông; đồng thời, sẵn sàng lắng nghe và thảo luận các vấn đề mới đang tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau để tạo lập sự đồng thuận và hỗ trợ của xã hội.
- Tuyên truyền về các biện pháp ngăn ngừa các hành vi bạo hành đối với trẻ em, hành vi xâm hại hoặc ứng xử gây tổn thương đến thể chất, tinh thần học sinh.
- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của trường, của Ngành, nhất là các hoạt động đổi mới, sáng tạo trong dạy và học, các tấm gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để tạo sự lan tỏa, khích lệ các thầy, cô giáo, các em học sinh phấn đấu vươn lên.

5. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm.

- Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung Giáo dục địa phương, Giáo dục kỹ năng sống. Lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối sống, kỹ năng sống, các kỹ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo lực; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước...

- Tổ chức giao lưu trò chơi dân gian, hát dân ca: Giao trách nhiệm cho Tổng phụ trách Đội phân công cụ thể cho các khối lớp các trò chơi dân gian, bài hát dân ca phù hợp.

- Tổ chức cho học sinh chăm sóc các gia đình chính sách, tham quan các khu di tích lịch sử, đài tưởng niệm, viếng nghĩa trang liệt sĩ...

- Làm tốt công tác giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống văn hoá lịch sử ở địa phương cho học sinh, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc thông qua công tác tuyên truyền, các hoạt động về nguồn, kỉ niệm các ngày lễ, các sự kiện trọng đại của đất nước như: Phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, “Áo lụa tặng Bà”,...

6. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và nội trú

- Tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày theo công văn 4567/BGDĐT-GDPT (Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Buổi 2: Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: tự học có hướng dẫn của giáo viên, học tập theo nhóm, học trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ,....)

- Xây dựng kế hoạch tổ chức nội trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, tổ chức cho học sinh ăn theo thực đơn cân bằng dinh dưỡng sinh hoạt và ở tại trường sạch sẽ khoa học đảm bảo sức khỏe. Thực hiện quy định tài chính về thu, chi thỏa thuận với cha mẹ học sinh theo hướng dẫn của cấp trên; công khai hàng ngày số lượng hàng hóa, định mức chi cho việc nấu ăn, phục vụ học sinh nội trú.

- Tổ chức dạy học cả ngày và nội trú thực hiện quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, lưu trữ mẫu thức ăn hàng ngày, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, không sử dụng lương thực, thực phẩm kém chất lượng nấu ăn cho học sinh.

- Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh các trường có học sinh bán trú.

Thực hiện đầy đủ các chế độ đối với học sinh nội trú theo nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của chính phủ về Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Tổ chức các hoạt động ăn, nghỉ phù hợp khoa học đảm bảo sức khỏe cho học sinh.

Tổ chức cho học sinh tham gia học tập buổi tối tại lớp, tập trung ôn tập và bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho học sinh.

7. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

- Dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc qua các môn học và hoạt động giáo dục. Thường xuyên rèn kỹ năng nghe, nói (phát âm), viết chính tả cho học sinh lớp 1, 2, 3.

- Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp.

- Thực hiện linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh trong quá trình giảng dạy các môn học cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường.

8. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng

- Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập,

- Khuyến khích các em đăng ký tham gia các lớp phát triển năng khiếu bản thân như: múa, vẽ, thể thao, bơi...

- Tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo trong các tiết học chính khóa và tiết tăng thêm theo hình thức dạy phân hóa đối tượng học sinh.

9. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số vào công tác dạy học và quản lý

Nhà trường chủ động đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng thiết bị chuyển đổi số cho giáo viên.

Chỉ đạo 100% cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường sử dụng hệ thống “Trường học kết nối”, khai thác sử dụng phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên trên hệ thống LMS.

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và công tác thống kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học, phần mềm EQMS trong cơ sở dữ

liệu (csdl.moet.gov.vn), phần mềm phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, phần mềm dạy học trực tuyến. Thường xuyên khai thác thông tin trên mạng Internet và truy cập Website www.dienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn, Website của các Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã (<https://hscvnuangam.dienbien.gov.vn>).

Quyết định và cho phép cán bộ quản lý, tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh, giáo viên, nhân viên thư viện, nhân viên y tế được phép sử dụng hồ sơ (bao gồm: hồ sơ chuyên môn, hồ sơ thư viện, hồ sơ theo dõi công tác y tế trường học, kế hoạch hoạt động công tác đội TNTP Hồ Chí Minh, kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tuần,...) điện tử để quản lý trên môi trường số.

10. Triển khai áp dụng hoạt động Giáo dục STEM trong dạy học

Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vị trí vai trò và ý nghĩa của giáo dục STEM;

Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và giáo viên về tổ chức, quản lý, xây dựng và thực hiện nội dung, phương pháp, các hình thức tổ chức thực hiện giáo dục STEM thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

Khi xây dựng các bài học STEM, chú trọng chuẩn bị tài liệu, trang bị sách tham khảo theo chương trình các môn học và hoạt động giáo dục STEM phù hợp với xu hướng phát triển ngành nghề của quốc gia, đáp ứng thị trường lao động.

Hướng dẫn giáo viên sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GD&ĐT.

Huy động các nguồn lực cộng đồng và tích cực tham mưu với các cấp để xây dựng chuẩn hóa phòng Khoa học và Công nghệ theo quy định, chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động giáo dục STEM..

- Khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên tại “Trường học kết nối” trong quá trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng.

- Tích cực tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, giao lưu tiếng Việt, hoạt động câu lạc bộ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động Đội thiếu niên tiền phong HCM, sao nhi đồng.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng

- Lãnh đạo điều hành toàn bộ công việc của trường, chịu trách nhiệm trước UBND xã và Sở GD&ĐT về hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch kiểm tra nội bộ; kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn...

- Tham mưu với chính quyền địa phương và Sở GD&ĐT về các hoạt động

giáo dục của nhà trường, địa phương.

- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị; phát huy dân chủ trong công tác để đạt hiệu quả cao trong các hoạt động quản lý, điều hành.

- Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học. Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Thành lập Ban chỉ đạo hoạt động trải nghiệm. Thành lập Hội đồng tổ chức Kiểm tra định kì; Hội đồng nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh năm học. Hội đồng thi đua khen thưởng. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học, các hoạt động giáo dục.

2. Đối với Phó hiệu trưởng

- Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn nhà trường, thư viện thiết bị, quản lý các phần mềm, hồ sơ công việc liên quan đến các hoạt động giáo dục, tổ chức tập huấn cho CBGVNV Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Chỉ đạo, tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn và các hoạt động liên quan đến giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Duyệt các kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, kế hoạch hoạt động giáo dục.

- Tham mưu với Hiệu trưởng rà soát quy hoạch mạng lưới trường học, trang thiết bị CSVC của nhà trường. Tham mưu cho Hiệu trưởng công tác chuyên môn, bồi dưỡng chất lượng đội ngũ giáo viên, các giải pháp nâng cao chất lượng học sinh, đội ngũ giáo viên.

3. Đối với tổ trưởng chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình (đối với tổ chuyên môn); theo kế hoạch công tác (đối với tổ văn phòng) và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (đối với tổ chuyên môn), tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ (đối với cả tổ chuyên môn và tổ văn phòng) theo kế hoạch của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/ khối theo quy định (2 lần/tháng).

- Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.

- Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM

- Thành lập Ban chỉ huy liên đội, các sao nhi đồng tổ chức và thực hiện mọi hoạt động phong trào của nhà trường;

- Phối kết hợp với ban chuyên môn trường, các tổ khối trưởng chuyên môn, các giáo viên xây dựng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào

học sinh của nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch đội, xây dựng bộ tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Đối với giáo viên chủ nhiệm

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;
- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học/ lớp mình đảm nhiệm;

- Phối kết hợp với các ban, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

6. Đối với giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch dạy học tuần theo môn học phụ trách, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;
- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học mình đảm nhiệm;

- Phối kết hợp với các GVCN, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7. Đối với nhân viên

7.1. Nhân viên TV+TB

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện + thiết bị.
- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện + thiết bị.
- Tuyên truyền đề CBGV, NV và học sinh tích cực đọc sách.
- Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...

- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.2. Nhân viên Y tế

- Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.
- Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường
- Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGVNV và học sinh.
- Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh.
- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khỏe HS, lập sổ sức khỏe, phiếu khám sức khỏe định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDĐT, Bộ Y tế.
- Phối hợp với công ty bảo hiểm phổ biến chế độ bảo hiểm tới GV, HS và phụ huynh HS của nhà trường.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.3. Nhân viên kế toán

- Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.
- Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.
- Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.
- Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.
- Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.
- Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.5. Nhân viên bảo vệ

- Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của giáo viên, học sinh.
- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.
- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Núi Ngăm./.

*** Nơi nhận:**

- Phòng VHXX xã;
- Các tổ chuyên môn;
- CB, GV, NV trường
- Website trường
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thu Hằng

